

Số: 1362 /QĐ-CT

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng Người nộp thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/5/2025; Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30/6/2025 và Quyết định số 2162/QĐ-BTC ngày 10/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý tuân thủ và Hỗ trợ người nộp thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng Người nộp thuế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các Ban, đơn vị thuộc Cục Thuế; Trưởng Thuế tỉnh, thành phố; Trưởng Thuế cơ sở trực thuộc Thuế tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, QLTT (3b).

CỤC TRƯỞNG



Mai Xuân Thành

**BỘ TIÊU CHÍ XẾP HẠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG
NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CT ngày / /2026 của Cục trưởng Cục Thuế)

**Phần A. BỘ TIÊU CHÍ XẾP HẠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP**

Kỳ đánh giá xếp hạng: theo năm (Trường hợp doanh nghiệp đăng ký chưa đủ 12 tháng trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng sẽ không xếp hạng trong năm đó)

Doanh nghiệp được xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng phải đáp ứng được các điều kiện sau:

**I. ĐIỀU KIỆN XẾP HẠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP**

Điều kiện 1: Đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng thông qua chỉ tiêu về khai thuế:

Tỷ lệ tờ khai thuế nộp đúng hạn so với tờ khai thuế phải nộp từ 98% trở lên (tỷ lệ này loại trừ các tờ khai để trống giá trị hoặc để toàn bộ giá trị = 0 và số lượt điều chỉnh từ các tờ khai không có giá trị sang các tờ khai có giá trị).

Trường hợp, dữ liệu thông tin chưa đầy đủ, điều kiện này sẽ đánh giá trên cơ sở tờ khai thuế đã nộp.

Điều kiện 2: Đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng thông qua các chỉ tiêu về nợ thuế:

a) Doanh nghiệp không có tiền thuế nợ trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiền thuế đang được gia hạn, đang xử lý khiếu nại, hoặc đang được xem xét miễn, giảm theo quy định của pháp luật, khoản nợ của doanh nghiệp mà cơ quan thuế đã ban hành thông báo chấp thuận không tính tiền chậm nộp do chưa được ngân sách nhà nước thanh toán theo hướng dẫn tại Quy trình Quản lý nợ.

b) Doanh nghiệp không bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế trong các năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng.

Điều kiện 3: Đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng thông qua các chỉ tiêu về xử phạt vi phạm về thuế, hóa đơn.

a) Không bị xử phạt vi phạm đối với hành vi trốn thuế;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn,

giảm, hoàn. Trường hợp doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính thì số tiền thuế truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp so với số thuế đã nộp trong năm có thành tích xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng không quá 1%.

Số thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp gồm các khoản nộp Ngân sách Nhà nước từ hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế (không bao gồm các khoản từ đất, phí, lệ phí, tiền phạt, tiền chậm nộp, thuế thu nhập cá nhân khấu trừ, nộp thay)

c) Không thuộc danh sách người nộp thuế chuyển cơ quan Công an điều tra về hành vi vi phạm pháp luật về thuế, không thuộc diện bị cơ quan công an điều tra, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang thực hiện thi hành án của cơ quan thi hành án.

d) Trong thời gian xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng, doanh nghiệp không bị cơ quan thuế kết luận có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn theo quy định của pháp luật về thuế và hóa đơn; không phát sinh giao dịch mua, bán với người nộp thuế đã được cơ quan thuế chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để điều tra về hành vi trốn thuế, mua bán, sử dụng hóa đơn không hợp pháp mà qua kiểm tra, xác minh xác định giao dịch của doanh nghiệp có liên quan đến hành vi vi phạm.

Đối với trường hợp phát sinh hóa đơn đầu vào với người nộp thuế sau đó được cơ quan thuế xác định không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06), việc xem xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng phải căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh của cơ quan thuế và hồ sơ, tài liệu do doanh nghiệp cung cấp để đánh giá tính hợp pháp, hợp lệ của giao dịch.

Trường hợp doanh nghiệp chứng minh được tại thời điểm giao dịch mua bán, bên bán vẫn hoạt động bình thường (trạng thái 00) và sau đó chuyển sang trạng thái 06, đồng thời doanh nghiệp đã thực hiện giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp quyết định việc không loại trừ. Trừ một số loại giao dịch đặc thù cần đánh giá cụ thể nội dung kinh tế phát sinh như: Ngân hàng, điện, nước, viễn thông, ăn uống, tiếp khách, mua dịch vụ nhỏ lẻ với tổng số hóa đơn phát sinh với cùng một người bán trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng dưới 10 hóa đơn và tổng giá trị thanh toán của các hóa đơn này dưới 10 triệu đồng

e) Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp không đồng thời là người đại diện pháp luật của các doanh nghiệp có trạng thái “Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (03)”; “Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh (05)”; “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (06)”.

II. BỘ TIÊU CHÍ XẾP HẠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc áp dụng

- Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện tại mục I nêu trên được xếp hạng, chấm điểm theo Bộ tiêu chí xếp hạng doanh nghiệp.

- Phạm vi xếp hạng có thể trong phạm vi cả nước hoặc theo tỉnh/thành phố hoặc nhóm đối tượng của từng chương trình, kế hoạch hoặc kỳ xét tôn vinh, khen thưởng.

- Cơ quan thuế căn cứ Tổng điểm xếp hạng của từng doanh nghiệp để thực hiện xếp hạng từ điểm cao xuống thấp.

- Trường hợp doanh nghiệp có tổng điểm xếp hạng bằng nhau, cơ quan thuế sẽ sử dụng điểm của tiêu chí “4. Lịch sử tuân thủ” để xếp hạng, trường hợp điểm của tiêu chí “4. Lịch sử tuân thủ” bằng nhau thì các doanh nghiệp sẽ xếp đồng hạng.

2. Bộ tiêu chí xếp hạng doanh nghiệp

- Bộ tiêu chí xếp hạng doanh nghiệp gồm 4 tiêu chí, chia thành 3 nhóm:

+ Nhóm I. Quy mô đóng góp ngân sách nhà nước: 2 tiêu chí;

+ Nhóm II. Quy mô doanh thu: 1 tiêu chí;

+ Nhóm III. Lịch sử tuân thủ điều kiện xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng: 1 tiêu chí.

- Tổng điểm xếp hạng của doanh nghiệp là tổng điểm các tiêu chí của từng doanh nghiệp.

- Tổng điểm tối đa: 100 điểm.

STT	Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí	Điểm
I	Quy mô đóng góp ngân sách nhà nước		40
1	Quy mô nộp (30 điểm) Số thuế đã nộp ngân sách nhà nước trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng:	Thuộc nhóm 10% số nộp cao nhất	30
		Trên 10% đến 20% số nộp tiếp theo	24
		Trên 20% đến 40% số nộp tiếp theo	18
		Trên 40% đến 60% số nộp tiếp theo	12
		Trên 60%	6
	Tăng trưởng số nộp ngân sách nhà nước (10 điểm)	Mức tăng trưởng trên 20%	10

	Tăng trưởng số nộp ngân sách nhà nước (năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng so với cùng kỳ năm trước liền kề), loại trừ các yếu tố khách quan như thay đổi chính sách thuế, điều chỉnh ưu đãi đầu tư làm ảnh hưởng đến số thuế phát sinh:	Mức tăng trưởng từ 11% đến 20%	7
		Mức tăng trưởng từ 0% đến 10%	4
		Mức tăng trưởng dưới 0%	0
II	Quy mô doanh thu		25
3	Doanh thu trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng:	Thuộc nhóm 10% có doanh thu cao nhất	25
		Trên 10% đến 20% doanh thu tiếp theo	20
		Trên 20% đến 40% doanh thu tiếp theo	15
		Trên 40% đến 60% doanh thu tiếp theo	10
		Trên 60%	5
III	Lịch sử tuân thủ		35
4	Số năm liên tục đáp ứng đầy đủ điều kiện xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng tính đến năm xếp hạng:	03 năm liên tục	35
		02 năm liên tục	30
		01 năm (năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng)	25

Phần B. BỘ TIÊU CHÍ XẾP HẠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Kỳ đánh giá xếp hạng: theo năm (Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký chưa đủ 12 tháng trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng sẽ không xếp hạng trong năm đó)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng phải đáp ứng được các điều kiện sau:

I. ĐIỀU KIỆN XẾP HẠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Điều kiện 1: Đánh giá mức độ tuân thủ nghĩa vụ đăng ký thuế, khai thuế

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký thuế theo quy định của pháp luật thuế, không có chênh lệch làm thay đổi nghĩa vụ

thuế hoặc không có kết luận của cơ quan thuế về việc kê khai không trung thực. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về đăng ký thuế trong năm có thành tích xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng.

b) Tỷ lệ hồ sơ khai thuế nộp đúng hạn so với hồ sơ khai thuế phải nộp đạt từ 90% trở lên.

c) Không bị xử phạt về hành vi không cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế

Điều kiện 2: Đánh giá mức độ tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế

a) Trường hợp tại thời điểm ngày 31/12 trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không có tiền nợ thuế (Không bao gồm nợ chờ điều chỉnh do sai sót, nợ do chứng từ luân chuyển chậm hoặc thất lạc,...).

b) Không bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế trong năm có thành tích xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng.

c, Số thuế đã nộp ngân sách nhà nước của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gồm các khoản nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (không bao gồm các khoản thu từ đất, phí, lệ phí, tiền phạt, tiền chậm nộp, nhưng có bao gồm số thuế thu nhập cá nhân đã nộp của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh).

d) Chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc 1 trong các trường hợp: người đại diện theo pháp luật/chủ sở hữu của doanh nghiệp đang ở trạng thái “Ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế”, “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” và trường hợp người nộp thuế đang chuyển hồ sơ thuế sang cơ quan chức năng, cơ quan có thẩm quyền để xác định vi phạm.

Điều kiện 3: Đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế, hóa đơn

a) Không bị xử phạt vi phạm đối với hành vi trốn thuế; không thuộc danh sách người nộp thuế chuyển cơ quan Công an điều tra về hành vi trốn thuế.

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn.

c) Không bị xử phạt về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc các hành vi vi phạm quy định về hóa đơn điện tử trong năm có thành tích xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng.

d) Không có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp, thực hiện hành vi gian lận thuế hoặc có giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ không có thật nhằm làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp.

II. BỘ TIÊU CHÍ XẾP HẠNG, TÔN VINH, KHEN THƯỞNG HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

1. Nguyên tắc áp dụng

- Chỉ áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng.

- Xếp hạng, chấm điểm đối hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo 03 nhóm doanh thu: (1). Doanh thu trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng, (2). Doanh thu từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng và (3). Doanh thu trên 50 tỷ đồng.

- Cơ quan thuế căn cứ Tổng điểm xếp hạng của từng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để thực hiện xếp hạng từ điểm cao xuống thấp.

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có tổng điểm xếp hạng bằng nhau, cơ quan thuế sẽ sử dụng điểm của tiêu chí “3. Lịch sử tuân thủ” để xếp hạng, trường hợp điểm của tiêu chí “3. Lịch sử tuân thủ” bằng nhau thì các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sẽ xếp đồng hạng.

2. Bộ tiêu chí xếp hạng

- Bộ tiêu chí xếp hạng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gồm 3 tiêu chí, tập trung đánh giá về quy mô đóng góp ngân sách nhà nước, quy mô doanh thu và lịch sử tuân thủ điều kiện xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng hàng năm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Tổng điểm xếp hạng của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là tổng điểm các tiêu chí của từng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Tổng điểm tối đa: 100 điểm.

STT	Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí	Điểm
I	Quy mô đóng góp ngân sách nhà nước		25
1	Số thuế đã nộp ngân sách nhà nước trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng:	Thuộc nhóm 10% có số nộp cao nhất	25
		Trên 10% đến 20% số nộp tiếp theo	20
		Trên 20% đến 40% số nộp tiếp theo	15
		Trên 40% đến 60% số nộp tiếp theo	10
		Trên 60%	5

STT	Tiêu chí	Chỉ số tiêu chí	Điểm
II	Quy mô doanh thu		25
2	Doanh thu trong năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng:	Thuộc 10% doanh thu cao nhất	25
		Thuộc 10% đến 20% doanh thu tiếp theo	20
		Thuộc 20% đến 40% doanh thu tiếp theo	15
		Thuộc 40% đến 60% doanh thu tiếp theo	10
		Còn lại	5
III	Lịch sử tuân thủ		50
3	Số năm liên tục đáp ứng đầy đủ điều kiện xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng tính đến năm xếp hạng:	03 năm liên tục	50
		02 năm liên tục	40
		01 năm (năm xếp hạng, tôn vinh, khen thưởng)	30

Phần C. LỰA CHỌN NGƯỜI NỘP THUẾ TRONG DANH SÁCH XẾP HẠNG ĐỂ KHEN THƯỞNG

I. Nguyên tắc lựa chọn

Kết quả xếp hạng người nộp thuế theo Bộ tiêu chí này là căn cứ để cơ quan thuế lựa chọn người nộp thuế đề nghị tôn vinh, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Căn cứ mục tiêu, yêu cầu của từng chương trình, kế hoạch hoặc kỳ xét tôn vinh, khen thưởng, việc lựa chọn người nộp thuế có thể được thực hiện trên phạm vi cả nước, theo địa bàn hoặc theo nhóm đối tượng; người nộp thuế được lựa chọn theo thứ tự xếp hạng từ cao xuống thấp trên phạm vi cả nước, trong từng địa bàn hoặc trong từng nhóm đối tượng, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của từng kỳ xét tôn vinh, khen thưởng và phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Số lượng người nộp thuế được lựa chọn để đề nghị tôn vinh, khen thưởng thực hiện theo kế hoạch, chương trình, văn bản triển khai công tác tôn vinh, khen thưởng áp dụng đối với từng kỳ hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

II. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý thuế và Hỗ trợ người nộp thuế chủ trì, phối hợp với các Ban, đơn vị có liên quan, căn cứ kết quả xếp hạng, phạm vi, nhóm đối tượng, số lượng và kế hoạch tôn vinh, khen thưởng từng kỳ để tham mưu lựa chọn người nộp thuế, báo cáo Cục Thuế trình cấp có thẩm quyền xem xét, khen thưởng.

Thuế tỉnh, thành phố căn cứ kết quả xếp hạng và kế hoạch tôn vinh, khen thưởng từng kỳ để lựa chọn người nộp thuế trên địa bàn, báo cáo hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, khen thưởng theo quy định.

Thuế cơ sở căn cứ kết quả xếp hạng và kế hoạch tôn vinh, khen thưởng từng kỳ để lựa chọn người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý, báo cáo hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, khen thưởng theo quy định.

Danh sách người nộp thuế được cấp có thẩm quyền quyết định tôn vinh, khen thưởng được công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế và các hình thức phù hợp khác nhằm ghi nhận, tôn vinh người nộp thuế, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

